

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-ST

Ngày: 16-4-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Phúc;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Dương Quang V, sinh năm 1975 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Dương Quốc L, sinh năm 1955 và bà Phan Thị H, sinh năm 1956; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Tại Bản án số 26/2021/HS-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt 08 (tám) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/11/2021); Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC ngày 18/12/2020 của Công an xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (chưa nộp phạt), tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐXP-HC ngày 27/5/2021 của Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (chưa nộp phạt); Nhân thân: Tại Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục số 802/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 12 (mười hai) tháng về hành vi “Hủy hoại tài sản” và “Đánh bạc” (chấp hành xong vào ngày 09/3/2013); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2023 cho đến nay. (Có mặt).

** Bị hại:*

- Bà Trương Thị H1, sinh năm 1983 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Lê Hữu H2, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Bình T, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phan Thị H, sinh năm 1956 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

** Người làm chứng:*

Ông Phan Thành T1, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

** Người chứng kiến:*

Ông Lê Thanh T2, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Dương Quang V có tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” và có tiền án về “Tội trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Do không có tiền tiêu xài, bị cáo V đã nảy sinh ý định đi tìm các hộ dân trên địa bàn huyện G, tỉnh Bến Tre có nuôi gà đẻ lén lút bắt trộm mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong các ngày 14/12/2022, 14/02/2023 và ngày 23/11/2023, bị cáo V đã thực hiện 03 (ba) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện G, tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 14/12/2022, bị cáo V đến nhà bị hại ông Lê Hữu H2 ở ấp M, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre để mời bị hại ông H2 dự tiệc cưới. Khi đến nhà bị hại ông H2, bị cáo phát hiện trong chuồng gà của bị hại ông H2 có 01 (một) con gà trống nòi được nhốt bới nên nảy sinh ý định bắt trộm. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 59U1-081.38 quay lại nhà bị hại ông H2 để bắt trộm gà. Bị cáo dựng xe bên ngoài rồi lén lút đột nhập vào chuồng gà bắt trộm được 01 (một) con gà trống nòi của bị hại ông H2 mang ra bên ngoài, lên xe mô tô tẩu thoát về nhà của bị cáo. Do bị cáo thấy con gà trống nòi vừa trộm được của bị hại ông H2 có dấu hiệu bị bệnh nên bị cáo đã làm thịt.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 29/01/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện Giồng Trôm kết luận: 01 (một) con gà trống nòi có lông màu trắng, có trọng lượng 3,1kg, giá 95.000 đồng/kg, thành tiền: $3,1 \times 95.000 = 294.500$ (hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm) đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 14/02/2023, bị cáo V phát hiện nhà của bị hại ông Trần Bình T ở ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre không có người trông coi, nhà sau của bị hại ông T có 01 (một) con gà mái nòi nhốt bới đang giữ gà con nên đã chui qua lỗ trống của hàng rào lưới B40 đột nhập vào nhà sau bắt trộm giấu vào bên trong áo bị cáo đang mặc mang ra bên ngoài. Sau đó, bị cáo mang con gà mái vừa bắt trộm của bị hại ông T về nhà của bị cáo làm thịt.

Cơ quan điều tra tạm giữ của bị cáo V: 01 (một) áo sơ mi tay dài, sọc màu đen – trắng (do bị cáo giao nộp vào ngày 02/3/2023).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 20/4/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện Giồng Trôm kết luận: 01 (một) con gà mái nòi có lông màu trắng - đen, có trọng lượng 02kg, giá 120.000 đồng/kg, thành tiền: $02 \times 120.000 = 240.000$ (hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 23/11/2023, bị cáo V điều khiển xe mô tô biển số 59U1-081.38 mang theo 01 (một) cây kim bằng kim loại đến khu vực nhà của bị hại bà Trương Thị H1 ở ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre thì nghe có tiếng gà bên trong. Bị cáo dựng xe vào đường hẻm gần đó rồi đi bộ đến hàng rào nhà của bị hại bà H1, bị cáo dùng cây kim mang theo cắt lưới rào B40 đột nhập vào bên trong chuồng gà của bị hại bà H1 thì thấy 05 (năm) con gà mái đang ngủ. Bị cáo dùng tay bắt được 03 (ba) con gà mái giấu vào bên trong áo bị cáo đang mặc mang ra bên ngoài. Bị cáo nhặt túi nilon cột chân 03 (ba) con gà và nhặt được 01 (một) bao tải màu trắng rồi bỏ 03 (ba) con gà mái vào bao tải. Sau đó, bị cáo quay lại chuồng gà của bị hại bà H1 bắt tiếp 02 (hai) con gà mái còn lại mang ra bên ngoài, cột chân và bỏ vào bao tải. Bị cáo điều khiển xe mô tô nêu trên chở theo 05 (năm) con gà mái vừa bắt trộm của bị hại bà H1 đến nhà ông Phan Thành T1 ngụ cùng ấp với bị hại bà H1. Khi gặp ông T1, bị cáo nói 05 (năm) con gà mái là của bị cáo và nhờ ông T1 đi đến nhà của ông Phạm Thanh T3 ở ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre để bán dùm cho bị cáo, do ông T3 không thích bị cáo nên bị cáo không tự mình bán gà được. Ông T1 không đồng ý, bị cáo tiếp tục năn nỉ và nói đang cần tiền để đưa vợ đi khám bệnh nên ông T1 đồng ý.

Bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 59U1-081.38 chở bao tải bên trong có 05 (năm) con gà mái chạy trước, ông T1 điều khiển xe gắn máy biển số 71AA-147.28 chạy theo sau. Khi đến nhà ông T3, bị cáo để bao gà xuống trước cửa nhà ông T3 rồi chạy xe tới một đoạn chờ ông T1. Khi ông T1 chuẩn bị kêu ông T3 để bán gà dùm cho bị cáo thì bị tổ tuần tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đến kiểm tra, phát hiện lập Biên bản sự việc.

Cơ quan điều tra tạm giữ đồ vật, tài sản gồm:

- Tạm giữ của bị cáo V: 05 (năm) con gà mái có tổng trọng lượng là 10,25kg; 01 (một) bao tải màu trắng có ghi dòng chữ “ĐUÔNG TRẮNG Hạng A” màu đỏ; 01 (một) xe mô tô biển số 59U1-081.38; 01 (một) cái kìm bằng kim loại, hai cán kìm bọc nhựa màu đỏ có chữ “GOODMAN”; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11, vỏ màu xanh, màn hình cảm ứng, gắn thẻ sim số 0778.874.499.

- Tạm giữ của ông T1: 01 (một) xe gắn máy biển số 71AA-147.28.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐG ngày 24/11/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện Giồng Trôm kết luận: 05 (năm) con gà mái có tổng trọng lượng 10,25kg, giá 80.000 đồng/kg, thành tiền: $10,25 \times 80.000 = 820.000$ (tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo V khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo V là phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, kết quả xác định hiện trường, khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng như sau: đã trả lại cho bị hại bà H1 05 (năm) con gà mái, trả lại cho ông T1 01 (một) xe gắn máy biển số 71AA-147.28, trả lại cho bà Dương Mộng Q (em ruột vị cáo V) 01 (một) mô tô biển số 59U1-081.38, trả lại cho bị cáo V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11, gắn thẻ sim số 0778.874.499.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông T yêu cầu bị cáo V bồi thường thiệt hại với số tiền 240.000 (hai trăm bốn mươi nghìn) đồng, bị cáo V đồng ý và đã tác động gia đình bồi thường xong.

- Bị hại bà H1 và bị hại ông H2 không có yêu cầu bị cáo V phải bồi thường thiệt hại.

- Bà Phan Thị H (mẹ ruột bị cáo V) không có yêu cầu bị cáo V trả lại số tiền 240.000 (hai trăm bốn mươi nghìn) đồng mà bà đã bồi thường cho bị hại ông T thay cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKSGT ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo V về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự: áp dụng a, b khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo V có mức án từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù. Hình phạt bổ sung: không.

- Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong trong giai đoạn điều tra nên không đề cập.

- Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cái bao tải màu trắng có ghi dòng chữ “ĐUÔNG TRẮNG Hạng A” màu đỏ; 01 (một) cái kim bằng kim loại, hai cán kim bọc nhựa màu đỏ có chữ “GOODMAN” và 01 (một) áo sơ mi tay dài, sọc màu đen – trắng, do không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 12/4/2024 giữa Cơ quan điều tra với Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm).

Bị cáo V khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo đồng ý với các kết luận định giá tài sản; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại ông T và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà H1 khai: Bà bị bị cáo V trộm mất 05 (năm) con gà mái vào ngày 23/11/2023. Bà đồng ý với kết luận định giá tài sản; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hiện bà đã nhận lại được tài sản, bà không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Dương Quang V và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Việc vắng mặt của các bị hại ông Lê Hữu H2 và ông Trần Bình T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H; người làm chứng ông Phan Thành T1 và người chứng kiến ông Lê Thanh T2 tại phiên tòa, bị cáo V và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy, trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Bị cáo Dương Quang V có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của các bị

hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với các kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh và các chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở xác định: bị cáo V là người có tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” và có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể: khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 14/12/2022, tại nhà của bị hại ông Lê Hữu H2 ở ấp M, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại ông H2 là 01 (một) con gà trống nòi, trọng lượng 3,1kg, trị giá 294.500 (hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm) đồng; khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 14/02/2023, tại nhà bị hại ông Trần Bình T ở ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại ông T 01 (một) con gà mái nòi, trọng lượng 02kg, trị giá 240.000 (hai trăm bốn mươi nghìn) đồng; khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 23/11/2023, tại nhà bị hại bà Trương Thị H1 ở ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại bà H1 05 (năm) con gà mái, tổng trọng lượng 10,25kg, trị giá 820.000 (tám trăm hai mươi nghìn) đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo V đã chiếm đoạt của các bị hại là 1.354.500 (một triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm) đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo V người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại có tổng giá trị là 1.354.500 (một triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm) đồng. Bị cáo V thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

Do đó, hành vi của bị cáo V đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo V là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo Dương Quang V là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng chủ sở hữu tài sản vắng mặt để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo Dương Quang V có nhân thân xấu, đã bị kết án về “Tội trộm cắp tài sản”; bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi “Hủy hoại tài sản” và “Đánh bạc”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo V đã tự nguyện bồi thường thiệt hại xong cho bị hại ông T; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá

trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo có ông cố tên Nguyễn Văn N là liệt sĩ, bà cố tên Phan Thị H3 là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; tại phiên tòa, bị hại bà H1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo V phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo V gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Do nghề nghiệp của bị cáo Dương Quang V là làm vườn không có thu nhập ổn định và hiện bị cáo đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Dương Quang V đã bồi thường thiệt hại xong với số tiền 240.000 (hai trăm bốn mươi nghìn) đồng cho bị hại ông Trần Bình T; các bị hại bà Trương Thị H1 và ông Lê Hữu H2 không yêu cầu bị cáo Vinh bồi thường thiệt hại nên được ghi nhận.

Bà Phan Thị H (mẹ ruột bị cáo V) đã bồi thường thiệt hại xong với số tiền 240.000 (hai trăm bốn mươi nghìn) đồng cho bị hại ông T thay cho bị cáo V và bà H không yêu cầu bị cáo V trả lại số tiền này nên được ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 05 (năm) con gà mái mà bị cáo Dương Quang V chiếm đoạt của bị hại bà Trương Thị H1 thuộc sở hữu của bị hại bà H1. Do đó, việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã trả lại 05 (năm) con gà mái trên cho bị hại bà H1 là phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Đối với xe mô tô biển số 71AA-147.28 thuộc sở hữu của ông Võ Văn Ứng A cho ông Phan Thành T1 quản lý, sử dụng làm phương tiện đi lại, ông T1 và xe mô tô nêu trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo V. Do đó, việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã trả lại xe mô tô trên cho ông T1 là phù hợp với quy định pháp luật, nên được ghi nhận.

Đối với xe mô tô biển số 59U1-081.38 thuộc sở hữu của bà Dương Mộng Q (em ruột bị cáo V) cho bị cáo V sử dụng làm phương tiện đi lại, việc bị cáo V sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội, bà Q hoàn toàn không biết. Do đó, việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã trả lại xe mô tô trên cho bà Q là phù hợp với quy định pháp luật, nên được ghi nhận.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11, gắn thẻ sim số 0778.874.499 thuộc sở hữu của bị cáo V và không liên quan đến hành vi phạm tội của

bị cáo. Do đó, việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã trả lại điện thoại trên cho bị cáo V là phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Đối với 01 (một) cái áo sơ mi tay dài, sọc màu trắng đen, bị cáo V không có yêu cầu nhận lại; 01 (một) các bao tải màu trắng có ghi dòng chữ “ĐUỜNG TRẮNG Hạng A” màu đỏ, do bị cáo V dùng để đựng gà; 01 (một) cái kiềm bằng kim loại, hai cán kim bọc nhựa màu đỏ có chữ “GOODMAN”, bị cáo V sử dụng làm công cụ phạm tội, đồng thời tất cả đều không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Bị cáo Dương Quang V mang tài sản đã trộm cắp được đến nhờ ông Phan Thành T1 đi bán, bị cáo không nói cho ông T1 biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Đồng thời, ông T1 không bàn bạc, hứa hẹn và hoàn toàn không biết tài sản này là do bị cáo trộm cắp mà có. Do đó, ông T1 không có hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự hoặc hành vi “Trộm cắp tài sản” với vai trò đồng phạm với bị cáo.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Dương Quang V về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Dương Quang V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Quang V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Quang V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cái áo sơ mi tay dài, sọc màu trắng đen; 01 (một) các bao tải màu trắng có ghi dòng chữ “ĐUỜNG TRẮNG Hạng A” màu đỏ và 01 (một) cái kiềm bằng kim loại, hai cán kim bọc nhựa màu đỏ có chữ “GOODMAN”.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2024, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Dương Quang V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến